

BIẾN ĐỔI HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI MÃ LIỀNG Ở BẢN RÀO TRE, XÃ HƯƠNG LIÊN, HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

ThS. Phạm Khắc Lanh
Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An

Tóm tắt: Ở Hà Tĩnh, Mã Liềng là một trong số ít nhóm dân tộc thiểu số còn lưu giữ được nhiều nét văn hóa đậm đà bản sắc tộc người, trong đó có hôn nhân. Trong những năm gần đây, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, sự giao lưu hội nhập mạnh mẽ về văn hóa cùng các chủ trương, chính sách chăm lo đời sống của Đảng và Nhà nước, hôn nhân truyền thống của người Mã Liềng đã có sự biến đổi biểu hiện qua quan niệm, tính chất, nguyên tắc, nghi thức tổ chức đám cưới,... Bên cạnh những mặt tích cực như bớt gánh nặng cho nhà trai, giảm các nghi lễ rườm rà, tốn kém, phù hợp với điều kiện công việc, hôn nhân khác tộc tạo sự hòa hợp và hạn chế nguy cơ suy giảm giống nòi... thì những yếu tố về hôn nhân cận huyết, giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người là những vấn đề cần được quan tâm.

Từ khóa: Hôn nhân, biến đổi hôn nhân, hôn nhân cận huyết, người Mã Liềng, Hà Tĩnh.

Ngày nhận bài: 26/2/2018; ngày gửi phản biện: 5/5/2018; ngày duyệt đăng: 13/6/2018

1. Mở đầu

Hà Tĩnh nằm ở khu vực Bắc Trung Bộ có diện tích khoảng 6.000km² với dân số gần 1,3 triệu người, chủ yếu là dân tộc Kinh. Các dân tộc thiểu số có 537 hộ, 1.820 khẩu, chiếm 0,14% dân số toàn tỉnh, thuộc 4 dân tộc: Mường, Lào, Thái và Chứt, sinh sống trên địa bàn 7 xã thuộc 3 huyện miền núi Hương Khê, Hương Sơn và Vũ Quang (UBND tỉnh Hà Tĩnh, 2016).

Mã Liềng là 1 trong 5 nhóm địa phương của dân tộc Chứt, thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, ngữ hệ Nam Á với dân số khoảng 1.200 người, cư trú chủ yếu ở hai huyện Minh Hóa và Tuyên Hóa của tỉnh Quảng Bình, huyện Hương Khê của tỉnh Hà Tĩnh. Người Mã Liềng ở Hà Tĩnh được biết đến từ thập niên 50 của thế kỷ XX ở khu vực giáp ranh tỉnh Quảng Bình và tỉnh Khamouan (nước CHDCND Lào). Từ năm 1976, 7 hộ với 31 khẩu của nhóm người này được Bộ đội biên phòng vận động về sinh sống tại bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê. Đến nay, dân số đã tăng lên 41 hộ, 146 khẩu.

Trong hôn nhân, người Mã Liềng có những tập tục, nghi lễ mang nét đặc trưng. Tuy nhiên, trong bối cảnh xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa đang ngày càng trở nên mạnh mẽ, người Mã Liềng có cơ hội mở rộng giao lưu với các tộc người khác. Vì vậy, hôn nhân cũng

có những biến đổi. Bài viết này đề cập đến một số yếu tố biến đổi trong hôn nhân của người Mã Liềng qua nghiên cứu tại bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Các yếu tố biến đổi

2.1. Biến đổi về quan niệm lựa chọn bạn đời và tuổi kết hôn

Hôn nhân truyền thống của người Mã Liềng dựa trên cơ sở tình yêu tự do của nam và nữ, cha mẹ không tìm hiểu hoặc nhờ người mối lái tình duyên cho con cái, nhưng lại là người quyết định cho đôi trai gái có được kết hôn hay không, nếu chưa được sự đồng ý của cha mẹ thì con cái không dám trái lời. Một số năm gần đây, việc mối lái đã xuất hiện, chủ yếu là các trường hợp người Kinh lấy người Mã Liềng. Cha mẹ không còn nắm quyền quyết định hôn nhân mà chỉ còn đóng vai trò “tư vấn”, thậm chí rất dè dặt trong việc đánh giá người bạn đời của con mình, nhất là cha mẹ của cô gái không dám cản trở hôn nhân của con cái vì sợ sau này dễ xảy ra xung đột khi sinh sống với nhau. “Trai gái người Mã Liềng đến tuổi thành niên được tự do tìm hiểu nhau. Sau một thời gian quen biết, họ là người quyết định có đi đến hôn nhân hay không” (Trần Trí Dồi, 1996, tr. 58). Xu hướng chủ đạo hiện nay là con cái xin ý kiến của cha mẹ và tự quyết định hôn nhân của mình.

Xu hướng lựa chọn bạn đời của người Mã Liềng hiện nay vừa tiếp nối được những tiêu chuẩn hôn nhân truyền thống như: gia đình đông anh em, khỏe mạnh, biết làm ăn, chăm chỉ, nết na... vừa hình thành những tiêu chuẩn mới phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại như hình thức, điều kiện kinh tế, nghề nghiệp. Bên cạnh đó, người khác tộc cũng là một tiêu chuẩn quan trọng mà người Mã Liềng lựa chọn, nhất là đối với tầng lớp thanh niên. Khoảng 90% người Mã Liềng được hỏi đều trả lời người khác tộc giỏi làm ăn, không nghiện rượu và có điều kiện về kinh tế hơn người cùng dân tộc. Tuy nhiên, rào cản lớn nhất là tâm lý mặc cảm nên người Mã Liềng chưa dám chủ động thể hiện tình cảm, thậm chí còn rất dè dặt trong việc tiếp nhận tình cảm từ người khác tộc.

Cách thức tìm hiểu bạn đời cũng có những biến đổi, nếu như trước đây thanh niên Mã Liềng tìm hiểu bạn đời thông qua các hoạt động sản xuất, trong các nghi lễ sinh hoạt chung của cộng đồng, thăm hỏi người thân giữa bản này và bản khác. Ngày nay, thanh niên Mã Liềng tìm hiểu nhau thông qua học tập, làm việc, giao lưu trong các hoạt động xã hội. Với sự phát triển của internet, thanh niên Mã Liềng đã sử dụng điện thoại di động thông minh, truy cập mạng xã hội facebook, zalo để bày tỏ tình cảm. Các kỷ vật trao tặng cho người yêu không chỉ là chiếc gương, cái lược, vòng cườm như trước, mà còn xuất hiện những quà tặng như hoa hồng, sôcôla, quần áo và nhiều thứ đắt tiền khác vào các ngày Quốc tế phụ nữ (8/3), ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10), ngày Lễ tình yêu (14/2),... Các cô gái Mã Liềng không còn thụ động trong việc thể hiện tình cảm như trước, nhiều trường hợp đã mạnh dạn bày tỏ tình cảm của mình với đối tượng khác giới.

Hiện nay, tuổi kết hôn của nam nữ thanh niên Mã Liềng đã tăng lên so với trước đây, nam từ 19 đến 20 tuổi, nữ từ 17 đến 18 tuổi. Độ tuổi kết hôn ngày càng muộn không chỉ là xu hướng kết hôn của người Mã Liềng mà là xu hướng chung của nhiều dân tộc hiện nay. Đây là sự thay đổi tích cực, bởi điều đó không chỉ đảm bảo về mặt pháp luật mà còn thể hiện ý thức hơn về trách nhiệm gia đình.

2.2. Biến đổi về nghi lễ đám cưới và một số tập tục trong hôn nhân

Ở người Mã Liềng, nghi lễ đám cưới trở thành một sinh hoạt văn hóa gắn kết cộng đồng, thể hiện tình cảm gắn bó thương yêu nhau của đôi trai gái và của con cái đối với cha mẹ, bà con dân bản. Khi đã tổ chức lễ cưới, các cặp vợ chồng thường sống chung thủy yêu thương nhau, không có chuyện ly hôn hay ngoại tình. “Người Mã Liềng ở bản Rào Tre theo chế độ một vợ một chồng rất chặt chẽ và khắt khe. Khi vợ hay chồng chết thì có thể lấy chồng hay vợ khác nhưng vợ chồng đang sống với nhau thì không thể có quan hệ với người khác, kể cả trường bản lấy vợ không có con cũng phải chịu vậy, không được lấy vợ lẽ” (Võ Văn Tuyền, 1996, tr. 103). Người Mã Liềng quan niệm, đôi trai gái nào không tổ chức đám cưới sẽ bị các loài ma trách phạt làm cho ốm đau và gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Luật tục quy định, chỉ khi nào đôi trai gái được hai bên gia đình tổ chức đám cưới mới trở thành một nhà và được ăn chung, sinh hoạt chung trong nhà của cha mẹ. Trường hợp chưa tổ chức đám cưới, nếu muốn ở với nhau bắt buộc phải chuyển ra ngoài làm nhà riêng. Trước đây, dù điều kiện khó khăn đến mấy người Mã Liềng cũng cố gắng sắm sửa lễ vật để tổ chức đám cưới cho con cái. Tuy nhiên, một số năm trở lại đây, số lượng gia đình tổ chức nghi lễ đám cưới ngày càng giảm, tính ràng buộc trong hôn nhân đối với cộng đồng ngày càng lỏng lẻo, truyền thống chung thủy đang bị lung lay, xuất hiện nhiều trường hợp bỏ nhau chỉ sau ít năm chung sống.

Phỏng vấn tại bản Rào Tre cho thấy, năm 1976, có 100% cặp vợ chồng tổ chức nghi lễ đám cưới, không có trường hợp nào ly hôn; từ năm 1977 đến năm 2000 tỷ lệ các cặp vợ chồng tổ chức đám cưới giảm còn 65% (13/20 cặp), chưa có hiện tượng ly hôn; từ năm 2001 đến năm 2017, tỷ lệ các cặp vợ chồng tổ chức đám cưới chỉ còn 36% (13/36 cặp), trong đó đã có 7 cặp ly hôn, chủ yếu rơi vào các trường hợp không tổ chức nghi lễ đám cưới.

Hôn nhân truyền thống của người Mã Liềng từ trước đến nay vẫn được cộng đồng thừa nhận, đám cưới của người Mã Liềng được chủ trì bởi ba ông: “Rừng”, “Cau” và “Thào Ke”¹,

¹ “Ông Rừng” (hay còn gọi là Cà Pá - Cà Pá là cái giỏ mà người đàn ông đi rừng thường buộc vào hông để thu lượm rau rừng) phải là người lớn tuổi, có uy tín, hiểu biết rộng, am hiểu phong tục tập quán, vợ chồng hòa thuận, con cái khỏe mạnh;

“Ông Cau” thường là bác, chú hay cậu của chú rể, am hiểu về các lễ nghi đám cưới, nhất là trong việc sắm sửa các lễ vật đám cưới cho gia đình nhà trai. Trong lễ ăn hỏi, “ông Cau” là người thực hiện theo ý kiến của “ông Rừng” về việc chuẩn bị hoặc bổ sung thêm các lễ vật mà nhà gái yêu cầu.

dưới sự chứng kiến của hai gia đình và bà con dân bản. Trong những năm gần đây, người Mã Liềng ủng hộ và thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Nhà nước nhằm thực hiện bổn phận của công dân đối với luật pháp. Tuy nhiên, sự thay đổi này chưa thực sự đi sâu vào ý thức, chủ yếu do chính quyền và Bộ đội biên phòng vận động nhằm quản lý tốt về hộ khẩu đối với những trường hợp người Mã Liềng kết hôn với người ngoài bản, khác tộc. Từ năm 2006 đến nay, chỉ có 13/30 (43,3%) cặp vợ chồng đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, trong đó có 9 cặp kết hôn với người ngoài bản, 4 cặp kết hôn nội bản (Ban Tư pháp UBND xã Hương Liên, 2017).

- *Lễ vật*: Trong hôn nhân, người Mã Liềng quy định cụ thể những lễ vật bắt buộc nhà trai phải chuẩn bị cho một đám cưới, nhà gái được thách cưới về số lượng và trọng lượng của lễ vật. Theo đó, "...nhà trai phải chuẩn bị 2 con lợn, một con khoảng 10 - 15kg làm lễ cúng thần bếp và một con khoảng 20 - 25kg làm lễ mời làng" (Thái Văn Sinh, 1998, tr. 10). Hiện nay, tục thách cưới bằng lễ vật ở người Mã Liềng có sự biến đổi chủ yếu xuất hiện ở các cặp hôn nhân khác tộc người, ngoài các lễ vật không thể thiếu mang ý nghĩa tinh thần như rượu, trâu cau, nhà trai phải nộp cho nhà gái một khoản tiền khoảng từ 3 đến 4 triệu đồng và một ít bánh kẹo, bia, 2 hộp trà, 10 bao thuốc lá, 1 bộ quần áo mới thay cho các loại lễ vật như lợn, gà, nôi, dao, gạo,... Nhà gái cũng không còn thách cưới nặng nề như trước nữa.

- *Hình thức tổ chức đám cưới*: Ở người Mã Liềng hôn nhân truyền thống trải qua các bước: ăn hỏi, giao dâu, lại mặt, và thực hiện các nghi lễ: cúng ma bếp, ăn chung, cúng ma nhà, cúng ma rú (riêng lễ giao dâu và lễ lại mặt không thực hiện nghi lễ cúng ma rú). Sau các nghi lễ này, cô dâu, chú rể mới chính thức trở thành vợ chồng. Hình thức tổ chức truyền thống này vẫn được thực hiện ở các cặp vợ chồng cùng nhóm, cùng bản lấy nhau. Bên cạnh đó, xuất hiện thêm các hình thức tổ chức hôn nhân kết hợp yếu tố văn hóa Mã Liềng với văn hóa của người Kinh. Qua nghiên cứu 9 cặp vợ chồng đã tổ chức nghi lễ đám cưới từ năm 2010 đến năm 2017, chúng tôi nhận thấy có 3 hình thức sau: 1) Hoàn toàn theo phong tục truyền thống, chủ yếu là những người cùng nhóm, cùng bản lấy nhau (chiếm 11%); 2) Kết hợp giữa phong tục truyền thống và hiện đại (chiếm 56%), trong đó yếu tố truyền thống là chủ đạo đối với các trường hợp người Mã Liềng ở Hà Tĩnh lấy người Mã Liềng ở Quảng Bình, và yếu tố hiện đại là chủ đạo đối với trường hợp người Mã Liềng lấy người Kinh; 3) Đám cưới giống như của người Kinh trong vùng, hình thức này chủ yếu là người Kinh kết hôn với người Mã Liềng do chính quyền địa phương, Bộ đội biên phòng đứng ra tổ chức (chiếm 33%). Trong ba hình thức đám cưới nêu trên, việc kết hợp giữa phong tục truyền thống và hiện đại đang trở thành xu hướng mới được người Mã Liềng lựa chọn.

"Ông Thảo Ke" là người đại diện cho gia đình nhà gái thường là bác, cậu hay dượng của cô gái, là người khéo ăn nói, hiểu biết về phong tục tập quán.

- *Thời gian và các bước thực hiện nghi lễ*: Tập quán cưới xin truyền thống của người Mã Liềng nói chung và người Mã Liềng ở Hà Tĩnh nói riêng được tiến hành qua các bước với những nghi lễ rườm rà, phức tạp và bắt buộc phải diễn ra trong 15 ngày, kể từ lễ ăn hỏi đến hết lễ lại mặt. Hiện nay, chỉ có số ít đám cưới theo hình thức truyền thống; những đám cưới theo hình thức truyền thống kết hợp với hiện đại và hoàn toàn hiện đại rất phổ biến, thời gian tổ chức giảm còn 2 đến 3 ngày. Nghi lễ giản lược, lễ lại mặt hầu như không còn thực hiện, vai trò của các ông “Rừng”, “Cau”, “Thào Ke” cũng không còn được thực hiện trong đám cưới hiện đại.

- *Khách mời và quà mừng cưới*: Trước đây, đám cưới truyền thống dù được tổ chức đơn giản với sự tham gia của một vài người thân hay được tổ chức linh đình thì khách mời 100% là dân bản, mở rộng hơn có thêm bạn bè, người thân các bản đồng tộc ở Quảng Bình. Hiện nay, thành phần khách mời có sự thay đổi tùy theo hình thức tổ chức đám cưới. Đối với đám cưới theo hình thức truyền thống, số lượng khách mời chủ yếu vẫn là người cùng nhóm, cùng bản, chỉ xuất hiện rất ít khách mời là người khác tộc nhưng có mối quan hệ rất thân thiết với gia đình của cô dâu, chú rể. Còn đối với những đám cưới tổ chức theo hình thức truyền thống kết hợp hiện đại hoặc hoàn toàn hiện đại thì thành phần khách mời rất đa dạng, không chỉ bó hẹp trong bản, là người đồng tộc mà còn có bạn bè, người quen, đồng nghiệp, cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể, Bộ đội biên phòng,...

Xưa kia, đời sống của người Mã Liềng còn khó khăn, mọi người sống đùm bọc, tương trợ nhau, trong đám cưới thì ai có gì giúp đỡ nấy. Hiện nay, quà mừng cưới chủ yếu bằng tiền, ít là từ 10.000 đồng (đ) đến 20.000đ, nhiều từ 100.000đ đến 200.000đ. Bạn bè của cô dâu, chú rể hoặc các tổ chức đoàn thể, đơn vị công tác ngoài mừng tiền còn có quà như ẩm chén, phích nước, nồi com, đồ gia dụng khác,... So sánh về giá trị của quà mừng trong đám cưới với chi phí bỏ ra tổ chức đám cưới cho thấy: trường hợp cả vợ và chồng là người cùng nhóm, cùng bản lấy nhau, nhưng không được chính quyền địa phương hay Bộ đội biên phòng hỗ trợ, phải tự đứng ra tổ chức lễ cưới thì chi phí bỏ ra cho một đám cưới tổ chức theo hình thức truyền thống là từ 5 đến 7 triệu đồng (tiền sinh lễ); còn hình thức đám cưới truyền thống kết hợp với hiện đại (ngoài tiền sinh lễ, gia đình phải chi thêm cho các dịch vụ khác như thuê phong bật, loa đài, áo cưới, xe đưa đón dâu, bàn ghế, trang trí, chụp ảnh, cỗ cưới,...). Đối với những trường hợp người Mã Liềng ở Hà Tĩnh lấy người Mã Liềng ở Quảng Bình hoặc người Kinh lấy người Mã Liềng được chính quyền địa phương và Bộ đội biên phòng hỗ trợ gần như 100% chi phí tổ chức lễ cưới. Đặc biệt, những trường hợp người Kinh lấy người Mã Liềng còn được hỗ trợ thêm 30 triệu đồng tiền mặt, nhà ở, đất sản xuất và một số nhu cầu thiết yếu khác để ổn định cuộc sống.

- *Ăn uống, trang phục*: Trong đám cưới truyền thống, khi ăn cỗ, mọi người chủ yếu ăn bốc, uống rượu suốt đêm đến tận 5 ngày sau. Ngày nay, những đám cưới theo truyền

thống đã dùng mâm, bát, đĩa để đựng và dùng đũa gắp thức ăn. Đối với những đám cưới truyền thống kết hợp hiện đại, gia đình nhà gái chỉ mời khách ăn một bữa. Còn đám cưới hiện đại thì thuê người Kinh nấu cỗ, các món ăn đa dạng, đồ uống ngoài rượu còn có bia, nước ngọt,... Hiện nay, ngày cưới cô dâu mặc váy cưới màu trắng hoặc áo dài truyền thống của người Kinh, chú rể mặc âu phục thắt nơ hoặc cà vạt, đeo hoa.

- *Tục ở rể*: Một trong những điều thay đổi rõ nhất là tục ở rể, trước đây, “khi con trai con gái đã lớn, người con trai đem đến trước nhà con gái một bó củi. Nếu bố mẹ cô gái và cô gái đồng ý thì mang bó củi vào bếp” (Võ Văn Tuyền, 1996, tr. 103). “Khi ở rể, chàng trai đến sinh hoạt ở gia đình nhà gái như một thành viên chính thức. Chàng trai này vừa phải lao động cho nhà gái, vừa phải tiết kiệm của cải làm được để tổ chức lễ cưới bắt buộc” (Trần Trí Dõi, 1995, tr. 121). Tục ở rể của người Mã Liềng được xem là nét đẹp văn hóa của hôn nhân truyền thống, bởi đây là thời gian giúp cho chàng trai và cô gái trưởng thành, là thời gian mà gia đình nhà gái truyền đạt kinh nghiệm, kỹ năng trong lao động sản xuất, ứng xử với cuộc sống, cũng như để hai người hiểu nhau, thử thách bản thân khi tuổi đời còn rất trẻ. Hiện nay, đối với những trường hợp hôn nhân đồng tộc, tục ở rể vẫn còn nhưng thay vì ở rể liên tục 2-3 năm liền, chàng trai chỉ đến ở rể một vài tháng, những điều cấm kỵ trong thời gian ở rể mang tính chất khắc nghiệt trước đây cũng không còn, chàng trai được sinh hoạt trong gia đình nhà gái một cách tự do hơn. Đây là một nét biến đổi văn hóa nhằm phù hợp với điều kiện mới, phù hợp với thời gian công tác, làm việc của chàng trai. Tuy nhiên, sự biến đổi này cũng nảy sinh nhiều yếu tố tiêu cực như việc ứng xử tùy tiện, ít tham gia vào công việc của gia đình nhà gái, hay xuất hiện những hành vi buông thả làm cho tục lệ này không còn giữ được những giá trị tốt đẹp vốn có.

2.3. Xu hướng hôn nhân khác dân tộc

Trong khoảng gần 10 năm trở lại đây, xu hướng kết hôn giữa người Mã Liềng với dân tộc Kinh đã xuất hiện và ngày càng phổ biến. Qua kết quả điều tra tại bản Rào Tre từ năm 1976 đến năm 2009, 100% các cặp vợ chồng (32/32 cặp) đều cùng nhóm Mã Liềng. Từ năm 2010 đến năm 2017, xuất hiện 33,3% số cặp vợ chồng có vợ hoặc chồng là người Kinh (8/24 cặp). Xu hướng hôn nhân khác dân tộc diễn ra mạnh mẽ hơn trong 3 năm gần đây (2015 - 2017), chiếm đến 60% tổng số cặp vợ chồng kết hôn và xu hướng này sẽ tiếp tục gia tăng khi mà đa số người Mã Liềng được hỏi đều trả lời có mong muốn cho con cháu của mình hay bản thân kết hôn với người khác dân tộc. Hôn nhân khác tộc người là chiếc cầu nối để các nhóm cộng đồng có thể hiểu và xích lại gần nhau hơn, cùng chia sẻ những giá trị chung và tiến bộ. Tuy nhiên, một vấn đề được đặt ra làm thế nào để có thể giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa riêng, khi mà người Mã Liềng đang có tâm lý hướng ngoại hơn là duy trì các yếu tố văn hóa nội sinh.

2.4. Tình trạng hôn nhân cận huyết

Trong quan niệm của người Mã Liềng, dòng họ (*chía miếng*) là tập hợp của một nhóm gia đình có quan hệ huyết thống với nhau bao gồm các thành viên là con cháu của một ông bà tổ sinh ra. Luật tục của người Mã Liềng không quy định phải trải qua bao nhiêu đời mới được lấy nhau, nhưng quy định nếu là anh em trong một dòng họ có cùng ông bà tổ thì không được kết hôn với nhau. Khảo sát 56 cặp hôn nhân từ năm 1976 đến năm 2017, có tới 41,1% (23/56) cặp vợ chồng là người cùng bản, tức là con cháu của 7 hộ về định cư ở bản Rào Tre năm 1976 kết hôn với nhau; trong đó có 6 cặp kết hôn cận huyết từ đời thứ 3 đến đời thứ 4 (1 cặp đời thứ 3, 3 cặp đời thứ 3 lấy đời thứ 4 và 2 cặp đời thứ 4 lấy nhau). Tại bản Rào Tre hiện có 17 nam trong độ tuổi 15-27 và 8 nữ trong độ tuổi 13-25 (độ tuổi trong quan niệm của đồng bào có thể lấy nhau); trong đó chỉ có 1 nữ có thể lấy tất cả nam, còn lại hầu hết số thanh niên này đều có quan hệ anh em họ hàng với nhau từ đời thứ 2 đến đời thứ 6. Như vậy, xu hướng hôn nhân cận huyết ở người Mã Liềng đang có nguy cơ gia tăng nếu không có những giải pháp phù hợp.

3. Các yếu tố tác động đến sự biến đổi hôn nhân

3.1. Tác động của sự phát triển kinh tế

Kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện công cuộc Đổi mới (1986) đến nay, nước ta đã có sự chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Cùng với các tỉnh Bắc Trung Bộ nói chung, tỉnh Hà Tĩnh cũng có sự phát triển toàn diện, nhất là trong những năm gần đây, tại khu vực người Mã Liềng định cư, cơ sở hạ tầng như giao thông, điện lưới quốc gia, trường học, nhà cửa, hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt được đầu tư xây dựng đã tạo nên những thay đổi quan trọng. Người Mã Liềng từ nền kinh tế nương rẫy du canh, du cư, tự cung tự cấp đã chuyển sang trồng trọt thâm canh. Từ chế độ sở hữu đất đai, núi rừng tập thể, mạnh ai nấy làm chuyển sang chế độ sở hữu ruộng đất tư nhân, canh tác dưới sự hướng dẫn của chính quyền địa phương. Trong quá trình chuyển đổi kinh tế, lĩnh vực hôn nhân của người Mã Liềng có những biến đổi mạnh mẽ cả trong quan niệm cũng như nghi lễ đám cưới. Cụ thể, khi lựa chọn bạn đời, thanh niên Mã Liềng đã hướng đến những đối tượng có điều kiện về kinh tế, sinh sống ở các khu vực thuận lợi cho sản xuất và buôn bán. Tuy nhiên, sự thay đổi phương thức sản xuất, nhất là trong tập quán chăn nuôi đã ảnh hưởng đến hình thức chuẩn bị lễ vật và việc thực hành nghi lễ đám cưới.

3.2. Tác động từ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến biến đổi hôn nhân của người Mã Liềng ở Hà Tĩnh là sự tác động từ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong những năm gần đây, Đảng, Nhà nước và tỉnh Hà Tĩnh đã có nhiều chủ trương, chính sách quan tâm đến người Mã Liềng nhằm phát triển kinh tế, ổn định đời sống như thành lập tổ công tác biên

phòng cấm bản; thực hiện việc đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, cấp giấy khai sinh; cấp đất và giao quyền sử dụng để đồng bào định canh, định cư ổn định sản xuất; trẻ em trong độ tuổi được đi học; hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và đời sống dân sinh; vận động đồng bào thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình,... Những chủ trương, chính sách và biện pháp đó đã làm cho kinh tế, văn hóa, xã hội của người Mã Liềng ở Hà Tĩnh biến đổi mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống. Việc xuất hiện một số đám cưới truyền thống kết hợp hiện đại hoặc hoàn toàn hiện đại ở bản Rào Tre trong những năm gần đây hầu hết xuất phát từ chính sách của tỉnh Hà Tĩnh, như: “Các cặp hôn nhân khác tộc và không cận huyết thống sẽ được tạo điều kiện về đất đai, nhà ở và một số hỗ trợ khác nhằm ổn định đời sống và sản xuất” (UBND tỉnh Hà Tĩnh, 2014) hay “Hỗ trợ 30 triệu đồng đối với các trường hợp người dân tộc Kinh kết hôn với đồng bào dân tộc Chứt” (UBND tỉnh Hà Tĩnh, 2015). Sau khi chính sách này ra đời, chính quyền địa phương và Bộ bồi biên phòng đã tổ chức đám cưới thành công cho 6 cặp vợ chồng theo hình thức truyền thống kết hợp với hiện đại và hoàn toàn hiện đại.

3.3. Tác động của sự giao lưu văn hóa

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, sự giao lưu văn hóa giữa các địa phương và các quốc gia trên thế giới là một điều tất yếu, cùng với sự phát triển của các phương tiện truyền thông như điện thoại di động, internet... thì sự giao lưu, hội nhập ngày càng mạnh mẽ dẫn đến những biến đổi sâu sắc cả về đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Người Mã Liềng đã tiếp nhận văn hóa các tộc người sống xung quanh, đặc biệt là người Kinh, khiến cho đời sống văn hóa của họ, trong đó có hôn nhân biến đổi nhanh chóng.

4. Kết luận

Cùng với sự quan tâm phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương, đời sống của người Mã Liềng đã có nhiều khởi sắc. Trong đó, phong tục hôn nhân đã xuất hiện nhiều yếu tố mới.

Tuổi kết hôn đã tăng lên so với trước, hiện tượng tảo hôn cũng ít xuất hiện. Một số cặp vợ chồng đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Nhà nước. Hình thành một số tiêu chuẩn cũng như cách thức tìm hiểu bạn đời mới. Tuy vậy, số lượng gia đình tổ chức nghi lễ đám cưới theo truyền thống ngày càng giảm, tính ràng buộc trong hôn nhân đối với cộng đồng ngày càng lỏng lẻo.

Về nguyên tắc hôn nhân, người Mã Liềng đã chấp nhận hôn nhân ngoại tộc người như một xu thế tất yếu thể hiện qua các trường hợp hôn nhân khác dân tộc ngày càng tăng, nhất là trong những năm gần đây. Bên cạnh đó, tình trạng hôn nhân cận huyết xuất hiện và ngày càng gia tăng nếu không có những giải pháp phù hợp.

Một số tập tục và hình thức tổ chức hôn nhân cũng có những biến đổi nhất định. Đã xuất hiện thêm các hình thức đám cưới truyền thống kết hợp với hiện đại và hoàn toàn hiện

đại, do đó lễ vật đám cưới cũng biến đổi theo các hình thức tổ chức này. Tục ở rể, thời gian thực hiện các nghi thức đám cưới được giản lược, rút ngắn để phù hợp với điều kiện mới. Những biến đổi này là biểu hiện của quá trình phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục và văn hóa ở cộng đồng người Mã Liềng.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Trí Dõi (1995), *Thực trạng kinh tế và văn hóa của 3 nhóm tộc người đang có nguy cơ bị biến mất*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Trần Trí Dõi (1996), “Sinh hoạt văn hóa dân gian của người Mã Liềng”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 58 - 68.
3. Thái Văn Sinh (1998), “Tục cưới hỏi của người Mã Liềng ở bản Rào Tre”, *Tạp chí Văn hóa Hà Tĩnh*, Số 31, tr. 5 - 10.
4. Võ Văn Tuyền, Nguyễn Trung Chiến, Phạm Thị Ninh (1996), “Ghi chép điền dã khảo cổ dân tộc học về người Mã Liềng ở bản Rào Tre (huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh)”, trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1995*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. UBND tỉnh Hà Tĩnh (2014), *Đề án phát triển đồng bào dân tộc Chứt tại bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê đến năm 2020*, trên trang <http://qppl.hatinh.gov.vn/>, truy cập ngày 28/5/2016.
6. UBND tỉnh Hà Tĩnh (2015), *Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 về việc quy định một số chính sách thực hiện Đề án phát triển đồng bào dân tộc Chứt, bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê*, trên trang <http://qppl.hatinh.gov.vn/>, truy cập ngày 28/5/2016.
7. UBND tỉnh Hà Tĩnh (2016), *Báo cáo tổng kết công tác dân tộc năm 2016*, số 469/BC-UBND ngày 13/12/2016, <http://qppl.hatinh.gov.vn/>, truy cập ngày 05/10/2017.